

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HS-PT

Ngày 17-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông Lương Đức Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 56/2018/TLPT-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Việt A, do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Việt A** (Việt N), sinh năm 1976 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi đăng ký HKTT: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở trước khi phạm tội: Tiểu khu A, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Phạm Văn P (sinh năm 1950) và bà Bùi Thị T (sinh năm 1954); có vợ là Nguyễn Thị Thảo N (sinh năm 1984) và 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2008); có 02 tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2013/HSST ngày 20/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù giam về tội “*Cố ý gây thương tích*”; tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2014/HSST ngày 25/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm tù về tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*”; tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 03 năm, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 18/12/2015 nhưng chưa chấp hành phần trách nhiệm dân sự và án phí; bị bắt tạm giam từ ngày 25/8/2017 – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước – Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K.

Địa chỉ: Tiểu khu A, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hồng H – Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn P – chức vụ: Trưởng ban quản lý dự án Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Việt A là đối tượng đã có 01 tiền án về tội "*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*". Đầu năm 2016, sau khi chấp hành xong án phạt tù, bị cáo vào khu vực đất thuộc quyền quản lý của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng K tại tiểu khu A, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông lấn chiếm đất để canh tác, sử dụng.

Khoảng tháng 9/2016, do cần đất để canh tác và được người khác giới thiệu, anh Nguyễn Văn G đã gặp Phạm Việt A để trao đổi về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 05/9/2016, Phạm Việt A đến nhà G, lúc này G biết được thửa đất trên không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang thuộc quyền quản lý của Công ty K nhưng vẫn đồng ý mua. Hai bên thoả thuận giá chuyển nhượng 400.000.000 đồng, đã đặt cọc trước 30.000.000 đồng, số tiền còn lại hẹn đến ngày 08/9/2016 sẽ trả. Nội dung giấy đặt cọc Phạm Việt A đồng ý nhượng lại quyền sử dụng diện tích đất khoảng 3,3 ha, chiều rộng 190m, chiều dài 175m (BL 128).

Ngày 08/9/2016, tại nhà của Phạm Việt A tọa lạc tại tiểu khu A, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, Phạm Việt A nhờ Nguyễn Đức T viết Giấy sang nhượng công khai hoang và hoa màu trên đất diện tích 3,3 ha tại tiểu khu A, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông cho Nguyễn Văn G và G đã trả đủ số tiền 370.000.000 đồng còn lại cho Việt A. Tổng cộng G đã trả đủ 400.000.000 đồng cho Việt A và nhận đất sử dụng.

Ngày 30/9/2016, Công ty K có đơn tố giác Phạm Việt A có hành vi lấn chiếm, chuyển quyền sử dụng đất trái phép của Công ty. Sau khi nhận được tin báo, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã tiến hành xác minh. Kết quả xác minh đo đạc thể hiện: Diện tích đất mà Phạm Việt A đã lấn chiếm và chuyển nhượng cho Nguyễn Văn G có diện tích là 2,8371ha (28.371m²), thuộc lô 12 khoảnh 09, tiểu khu 1528, thuộc địa giới hành chính xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Diện tích đất trên thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của Công ty K theo Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông.

Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Việt A phạm tội "*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1

Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt Phạm Việt A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Buộc bị cáo Phạm Việt A phải nộp truy thu, sung công quỹ nhà nước số tiền 400.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc sang nhượng trái phép đất đai; buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả lại diện tích 2,8371 ha đất tọa lạc tại khoảnh 12, tiểu khu 1528 cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K; buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K trả lại cho Phạm Việt A 43.574.000 đồng tiền hoa màu trên diện tích đất 2,8371 ha. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí.

Ngày 04/5/2018, bị cáo kháng cáo cho rằng chỉ sang nhượng công khai hoang và hoa màu trên đất, không sang nhượng đất như Toà án đã tuyên, đồng thời xin được mời anh Nguyễn Đức T làm người bào chữa cho bị cáo tại phiên toà phúc thẩm.

Anh Nguyễn Văn G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo với nội dung được tiếp tục sử dụng phần đất đã nhận chuyển nhượng từ bị cáo, trường hợp không được nhận đất thì yêu cầu Tòa án buộc bị cáo trả lại số tiền 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không có ý kiến gì về tội danh và mức hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng chỉ sang nhượng công khai hoang và hoa màu trên đất, không sang nhượng đất. Ngoài ra, bị cáo bổ sung thêm nội dung kháng cáo đề nghị được trả lại cho anh G số tiền 400.000.000 đồng, không truy thu sung quỹ nhà nước như án sơ thẩm đã tuyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn G cho rằng: Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, anh G không biết đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty K, do bị cáo cam đoan là đất của bị cáo nên anh mới mua. Khi làm giấy tờ, anh yêu cầu viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng bị cáo không đồng ý mà viết giấy chuyển nhượng công khai hoang và hoa màu trên đất. Tuy nhiên, thực tế là các bên thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nay có căn cứ xác định đất này là của Công ty K, anh không được phép sử dụng, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 400.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Phạm Việt A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/8/2017.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Buộc anh Nguyễn Văn G phải trả lại diện tích 2,8371 ha đất tọa lạc tại lô 12 khoảnh 09, tiểu khu 1528, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K.

Buộc bị cáo Phạm Việt A phải nộp truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 400.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc sang nhượng trái phép đất đai.

Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K trả lại cho anh Nguyễn Văn G 43.574.000 đồng tiền hoa màu trên diện tích đất 2.371 ha.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến bào chữa, tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Việt A về việc nhờ anh Nguyễn Đức T là người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX xét thấy: Tại giai đoạn sơ thẩm, anh Nguyễn Đức T đã tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án, do đó căn cứ điểm b khoản 4 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì anh T không được tham gia bào chữa cho bị cáo trong vụ án này.

[2]. Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không có kháng cáo về tội danh và mức hình phạt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Đối với nội dung kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ sang nhượng công khai hoang và hoa màu trên đất, không sang nhượng quyền sử dụng đất, HĐXX xét thấy: Giấy nhận cọc ngày 05/9/2016 giữa bị cáo với Nguyễn Văn G có nội dung: Bị cáo đồng ý nhượng lại cho anh G quyền sử dụng khoảng 3,3 ha đất, chiều ngang 190m, chiều dài 175m, giá chuyển nhượng 400.000.000 đồng (bút lục 128). Giấy sang nhượng công khai hoang và hoa màu trên đất ngày 08/9/2016 có nội dung: “...Tôi đồng ý sang nhượng lại công khai hoang và hoa màu trên đất... Kể từ hôm nay anh G tiếp tục được canh tác trên diện tích đất trên. Tôi cam đoan phần diện tích đất trên là của tôi đang canh tác, không tranh chấp với ai. Nếu có tranh chấp dân sự tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trường hợp nếu nhà nước thu hồi thì anh G được hưởng số tiền mà nhà nước hỗ trợ bồi

thường. Nếu nhà nước cấp quyền sử dụng đất thì anh G được hưởng quyền sử dụng của diện tích đất trên” (bút lục 127). Mặt khác, lời khai của anh G tại cơ quan điều tra và tại phiên toà phúc thẩm xác định: Hai bên không chuyển nhượng công khai hoang và hoa màu trên đất mà chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; anh G đã yêu cầu viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng bị cáo không đồng ý. Như vậy, mặc dù tên gọi của hợp đồng là sang nhượng công khai hoang và hoa màu trên đất, nhưng bản chất thoả thuận giữa các bên là chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, do đó việc bị cáo cho rằng chỉ sang nhượng công khai hoang và hoa màu trên đất là không có căn cứ.

Đối với kháng cáo của bị cáo về việc xem xét lại việc xử lý số tiền 400.000.000 đồng, HĐXX xét thấy: Tại phiên toà phúc thẩm anh G cho rằng tại thời điểm nhận chuyển nhượng anh không biết đất thuộc quyền quản lý của Công ty K. Tuy nhiên, quá trình điều tra anh G thừa nhận có biết đất là của Công ty nhưng do gia đình đông con và có ít đất sản xuất, hơn nữa diện tích đất này bị cáo khai hoang chưa thoả thuận đền bù với Công ty nên anh G vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng (bút lục 77). Trong giao dịch này, anh G không phải là người thứ 3 ngay tình nên không được pháp luật bảo vệ, do đó không có cơ sở để trả lại cho anh G số tiền 400.000.000 đồng.

[4]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn G, HĐXX xét thấy: Diện tích đất anh G nhận chuyển nhượng từ bị cáo thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của Công ty K theo Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông, nên không thể cho anh G được tiếp tục sử dụng đất. Đối với nội dung yêu cầu bị cáo trả lại cho anh số tiền 400.000.000 đồng, như đã phân tích ở trên, anh G biết đất chuyển nhượng không phải của bị cáo nhưng vẫn mua là giao dịch bất hợp pháp, vi phạm điều cấm của pháp luật, nên không được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, không có cơ sở để trả lại cho anh G số tiền 400.000.000 đồng mà truy thu sung quỹ nhà nước là phù hợp.

[5]. Đối với số tiền 43.574.000 đồng là giá trị tài sản trên đất theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 41/KLĐG ngày 20/11/2017, đây là tài sản bị cáo đã chuyển nhượng cho anh G, anh G đã đầu tư, chăm sóc nhưng Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty trả lại cho bị cáo số tiền trên là không phù hợp. Do đó, cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm buộc Công ty K phải trả số tiền 43.574.000 đồng cho anh G.

[6]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần nên bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Việt A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn G.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Phạm Việt A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/8/2017.

3. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Buộc anh Nguyễn Văn G phải trả lại diện tích 2,8371 ha đất tọa lạc tại khoảnh 12, tiểu khu A, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông (*theo lược VN2000 hiện nay Cơ quan chức năng đang sử dụng, diện tích đất trên thuộc Lô 12, khoảnh 9*) cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K (*Có sơ đồ mảnh đất kèm theo tại bút lục 108*).

Truy thu đối với bị cáo Phạm Việt A số tiền 400.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng K trả cho anh Nguyễn Văn G số tiền 43.574.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS - CA tỉnh Đắk Nông;
- CQ.CSĐT - CA tỉnh Đắk Nông;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- TAND huyện Tuy Đức;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Bị cáo; người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

Phạm Thị Thông